

MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT HÒA GIẢI, ĐỐI THOẠI TẠI TÒA ÁN NĂM 2020

ThS. Nguyễn Thị Kim Dung¹

Tóm tắt: Để giải quyết mâu thuẫn, xung đột giữa cơ quan, tổ chức, cá nhân, Nhà nước ta khuyến khích các bên tiến hành hòa giải, thương lượng với nhau trước khi đưa nhau ra Tòa án nhân dân. Nhằm nâng cao hoạt động hòa giải, thương lượng để giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp nảy sinh trên thực tế, ngày 16 tháng 6 năm 2020, Quốc hội ban hành Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án (LHGĐT). Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021. Hòa giải, đối thoại theo quy định của Luật này được thực hiện tại Tòa án trước khi Tòa án thụ lý vụ án về tranh chấp dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động; việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn; vụ án hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật Tố tụng Hành chính.

Trong bài viết này tác giả chia sẻ nội số nội dung cơ bản của LHGĐT: (1) Khái niệm hòa giải, đối thoại; (2) Nguyên tắc hòa giải, đối thoại tại Tòa án; (3) Quyền, nghĩa vụ của các bên tham gia hòa giải, đối thoại tại Tòa án; (4) Thẩm quyền và trách nhiệm của Tòa án nhân dân trong hoạt động hòa giải, đối thoại tại Tòa án; (5) Trình tự, thủ tục hòa giải, đối thoại tại Tòa án và công nhận kết quả hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Từ khóa: Hòa giải, Đối thoại, Tòa án.

1. Khái niệm hòa giải, đối thoại

Hòa giải tại Tòa án là hoạt động hòa giải do Hòa giải viên tiến hành trước khi Tòa án thụ lý vụ việc dân sự, nhằm hỗ trợ các bên tham gia hòa giải thỏa thuận giải quyết vụ việc dân sự theo quy định của Luật này².

Hòa giải viên tại Tòa án là người có đủ điều kiện, được Chánh án Tòa án

¹ Phó Trưởng khoa Khoa Luật, Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh.

² Khoản 2 Điều 2 Luật Hòa giải tại tòa án.

nhân dân cấp tỉnh bổ nhiệm để tiến hành hòa giải tranh chấp dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và đối thoại khiếu kiện hành chính theo quy định của Luật HGĐT³. Như vậy, hòa giải, đối thoại theo quy định của LHGĐT không phải là tự hòa giải, tự thương lượng, thỏa thuận giữa các bên tranh chấp; mà cũng không phải hòa giải ở cơ sở^{4,5}.

Hòa giải ở cơ sở thực hiện trước khi các bên làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp, mâu thuẫn (nhiều trường hợp, chỉ khi hòa giải ở cơ sở không thành, Tòa án mới nhận đơn khởi kiện); Hòa giải tại Tòa án thì thực hiện sau khi Tòa án nhận đơn khởi kiện; nhưng đây cũng chưa phải bước hòa giải trong tố tụng (Hòa giải trong tố tụng được thực hiện sau khi Tòa án đã thụ lý vụ án).

Như vậy, có rất nhiều hình thức hòa giải, được thực hiện ở các thời điểm khác nhau và do những người khác nhau thực hiện. Về mặt thời gian, hòa giải tại Tòa án diễn ra sau hòa giải ở cơ sở, nhưng diễn ra trước hòa giải trong tố tụng. Hòa giải ở cơ sở do Hòa giải viên ở cơ sở (được bầu ở cơ sở) thực hiện; hòa giải tại Tòa án do Hòa giải viên tại Tòa án (do các bên lựa chọn hoặc do Thẩm phán chỉ định) thực hiện; hòa giải trong tố tụng do Thẩm phán (được Chánh án phân công) thực hiện.⁶

Hòa giải tiến hành trong vụ án dân sự, còn đối thoại tiến hành trong vụ án hành chính. Đối thoại tại Tòa án là hoạt động đối thoại do Hòa giải viên tiến hành trước khi Tòa án thụ lý vụ án hành chính, nhằm hỗ trợ các bên tham gia đối thoại thống nhất giải quyết khiếu kiện hành chính theo quy định của Luật này.⁷

2. Nguyên tắc hòa giải, đối thoại tại Tòa án

Điều 3 LHGĐT quy định về nguyên tắc hòa giải, đối thoại tại Tòa án như sau:

- Các bên tham gia hòa giải, đối thoại phải tự nguyện hòa giải, đối thoại. Tôn trọng sự tự nguyện thỏa thuận, thống nhất của các bên; không được ép buộc

³ Khoản 1 Điều 2 Luật Hòa giải tại tòa án.

⁴ Hòa giải ở cơ sở là việc hòa giải viên hướng dẫn, giúp đỡ các bên đạt được thỏa thuận, tự nguyện giải quyết với nhau các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật (Khoản 1 Điều 2 Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013).

⁵ Hòa giải viên hướng dẫn việc hòa giải ở cơ sở là người có đủ tiêu chuẩn, được bầu ở cơ sở (Điều 7; 8 Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013).

⁶ Điểm g khoản 2 Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

⁷ Khoản 3 Điều 2 Luật Hòa giải tại tòa án.

các bên thỏa thuận, thống nhất trái với ý chí của họ; Bảo đảm bình đẳng về quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

- Nội dung thỏa thuận hòa giải, thống nhất đối thoại không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với Nhà nước hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác, không xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác.

- Các thông tin liên quan đến vụ việc hòa giải, đối thoại phải được giữ bí mật theo quy định.

- Phương thức hòa giải, đối thoại được tiến hành linh hoạt, phù hợp với tình hình thực tế, đặc điểm của mỗi loại vụ việc.

- Hòa giải viên tiến hành hòa giải, đối thoại độc lập và tuân theo pháp luật.

- Tiếng nói và chữ viết dùng trong hòa giải, đối thoại là tiếng Việt. Người tham gia hòa giải, đối thoại có quyền dùng tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình; trường hợp này họ có thể tự bố trí hoặc đề nghị Hòa giải viên bố trí phiên dịch cho mình. Người tham gia hòa giải, đối thoại là người khuyết tật nghe, nói hoặc khuyết tật nhìn có quyền dùng ngôn ngữ, ký hiệu, chữ dành riêng cho người khuyết tật; trường hợp này phải có người biết ngôn ngữ, ký hiệu, chữ dành riêng cho người khuyết tật để dịch lại và họ cũng được coi là người phiên dịch.

- Bảo đảm bình đẳng giới, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ em trong hòa giải, đối thoại.

Như vậy, khi hòa giải, đối thoại, hòa giải viên chỉ hướng dẫn, giúp đỡ các bên giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp; không được ép buộc, cản trở các bên, mà phải tôn trọng sự tự nguyện thỏa thuận, thống nhất của các bên; thực hiện hòa giải, đối thoại theo đúng quy định của pháp luật.

3. Quyền, nghĩa vụ của các bên tham gia hòa giải, đối thoại tại Tòa án

Nhằm bảo đảm tuân thủ nguyên tắc hòa giải, đối thoại tại Tòa án, các bên tham gia hòa giải, đối thoại tại Tòa án có một số quyền sau:⁸

- Đồng ý hoặc từ chối tham gia hòa giải, đối thoại hoặc chấm dứt hòa giải, đối thoại;

⁸ Điều 8 Luật Hòa giải tại tòa án.

- Trực tiếp hoặc thông qua người đại diện quy định tham gia hòa giải, đối thoại;

- Lựa chọn Hòa giải viên trong danh sách Hòa giải viên của Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự, khiếu kiện hành chính; trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện thì có thể lựa chọn Hòa giải viên của Tòa án nhân dân cấp huyện khác trên cùng phạm vi địa giới hành chính với Tòa án nhân dân cấp tỉnh;

- Đề nghị thay đổi Hòa giải viên theo quy định của Luật này;

- Tự bố trí hoặc đề nghị Hòa giải viên bố trí phiên dịch trong trường hợp người tham gia hòa giải, đối thoại là người không biết tiếng Việt, người khuyết tật nghe, nói hoặc khuyết tật nhìn;

- Yêu cầu Hòa giải viên, người tham gia hòa giải, đối thoại, Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác, Thẩm phán tham gia phiên họp ghi nhận kết quả hòa giải, đối thoại giữ bí mật thông tin do mình cung cấp;

- Bày tỏ ý chí, đề xuất phương thức, giải pháp giải quyết tranh chấp, yêu cầu, khiếu kiện; thống nhất về nội dung hòa giải, đối thoại;

- Yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành;

- Yêu cầu bên có nghĩa vụ thực hiện các nội dung đã hòa giải thành, đối thoại thành;

- Đề nghị Tòa án có thẩm quyền xem xét lại quyết định công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành theo quy định.

Để bảo đảm trật tự trong hòa giải, đối thoại; để bảo đảm lợi ích chung, quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của các chủ thể, Điều 8 LHGĐT cũng quy định các bên tham gia hòa giải, đối thoại tại Tòa án có một số nghĩa vụ sau đây:

- Tuân thủ pháp luật;

- Tham gia hòa giải, đối thoại với tinh thần thiện chí, hợp tác để thúc đẩy quá trình hòa giải, đối thoại đạt kết quả tích cực; trình bày chính xác tình tiết, nội dung của vụ việc, cung cấp kịp thời, đầy đủ thông tin, tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ việc theo yêu cầu của Hòa giải viên;

- Chịu trách nhiệm về tính xác thực của các thông tin, tài liệu, chứng cứ mà mình cung cấp trong quá trình hòa giải, đối thoại; nếu thông tin, tài liệu, chứng cứ cung cấp là giả mạo thì kết quả hòa giải, đối thoại bị vô hiệu; trường hợp có dấu hiệu tội phạm thì bị xử lý theo quy định của pháp luật về hình sự; nếu gây thiệt hại cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khác thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật;

- Tôn trọng Hòa giải viên và các bên có liên quan; thực hiện các yêu cầu của Hòa giải viên theo quy định của Luật này;

- Chấp hành quy chế hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

- Thực hiện các nội dung đã hòa giải thành, đối thoại thành.

Như vậy, các bên được tự do, tự nguyện trong hòa giải, đối thoại, nhưng cũng có những nghĩa vụ nhất định để việc hòa giải, đối thoại diễn ra đúng quy định của pháp luật.

4. Thẩm quyền và trách nhiệm của Tòa án nhân dân trong hoạt động hòa giải, đối thoại tại Tòa án

Tòa án nhân dân tối cao có trách nhiệm tổ chức, quản lý hoạt động hòa giải, đối thoại; Kiểm tra việc thực hiện và xử lý vi phạm trong hoạt động hòa giải, đối thoại; Giải quyết khiếu nại đối với quyết định giải quyết khiếu nại của Tòa án nhân dân cấp tỉnh và thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.⁹ Như vậy, Tòa án nhân dân tối cao không có thẩm quyền thực hiện hoạt động hòa giải, đối thoại; mà chỉ Tòa án nhân dân cấp tỉnh và Tòa án nhân dân cấp huyện mới trực tiếp tổ chức thực hiện hoạt động hòa giải, đối thoại. Nhưng trong đó chỉ Tòa án nhân dân cấp tỉnh mới có quyền bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, xóa tên Hòa giải viên; cấp, thu hồi thẻ Hòa giải viên; khen thưởng, xử lý vi phạm đối với Hòa giải viên. Tòa án nhân dân cấp huyện chỉ có quyền đề nghị Tòa án nhân dân cấp tỉnh bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm Hòa giải viên...

5. Trình tự, thủ tục hòa giải, đối thoại tại Tòa án và công nhận kết quả hòa giải, đối thoại tại Tòa án

Người khởi kiện, người yêu cầu gửi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đến Tòa án có thẩm quyền; Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn khởi

⁹ Điều 7 Luật Hòa giải tại tòa án.

kiện, đơn yêu cầu thì Tòa án thông báo bằng văn bản cho người khởi kiện, người yêu cầu biết về quyền được lựa chọn hòa giải, đối thoại và lựa chọn Hòa giải viên (trừ trường hợp pháp luật có quy định khác); Trường hợp người khởi kiện, người yêu cầu đồng ý hòa giải, đối thoại thì mỗi vụ việc do 01 Hòa giải viên tiến hành hòa giải, đối thoại; có trường hợp người khởi kiện, người yêu cầu lựa chọn Hòa giải viên trong danh sách Hòa giải viên của Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc, có trường hợp Thẩm phán phụ trách hòa giải, đối thoại (được Chánh án phân công) chỉ định Hòa giải viên.¹⁰

Thành phần phiên họp ghi nhận kết quả hòa giải, đối thoại gồm có: Hòa giải viên; Các bên, người đại diện, người phiên dịch; Thẩm phán phụ trách hòa giải, đối thoại hoặc Thẩm phán khác do Chánh án Tòa án phân công.¹¹ Tùy từng trường hợp, Thẩm phán phải ra một trong các quyết định công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành; hoặc không công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành và nêu rõ lý do. Quyết định công nhận hoặc không công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành được gửi cho các bên và Viện kiểm sát cùng cấp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành có hiệu lực pháp luật và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật Tố tụng Hành chính.¹²

Việc hòa giải, đối thoại chấm dứt khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Hòa giải thành, đối thoại thành;
- Các bên không đạt được thỏa thuận, thống nhất về toàn bộ nội dung vụ việc dân sự, khiếu kiện hành chính hoặc chỉ thỏa thuận, thống nhất được một phần vụ việc dân sự, khiếu kiện hành chính nhưng phần đó có liên quan đến những phần khác của vụ việc dân sự, khiếu kiện hành chính;
- Một bên hoặc các bên không đồng ý tiếp tục hòa giải, đối thoại hoặc vắng mặt sau 02 lần được thông báo hợp lệ về việc hòa giải, đối thoại;

¹⁰ Điều 16, 17 Luật Hòa giải tại tòa án.

¹¹ Điều 28 Luật Hòa giải tại tòa án.

¹² Điều 35 Luật Hòa giải tại tòa án.

- Trong quá trình hòa giải, đối thoại phát hiện vụ việc thuộc trường hợp quy định tại Điều 19 của Luật này (tức là trường hợp không được hòa giải, đối thoại);

- Một trong các bên yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng Hành chính trong quá trình hòa giải, đối thoại;

- Người nộp đơn khởi kiện, đơn yêu cầu rút đơn khởi kiện; đơn yêu cầu.

Khi chấm dứt hòa giải, đối thoại tại Tòa án, Hòa giải viên chuyển đơn và tài liệu kèm theo cho Tòa án để tiến hành xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Việc hòa giải, đối thoại nói chung, hòa giải, đối thoại tại Tòa án nói riêng không chỉ bảo đảm việc giải quyết các tranh chấp, mâu thuẫn nhẹ nhàng, giữ được tình cảm, tình đoàn kết trong nhân dân; mà còn giảm thiểu công việc cho Tòa án; giảm bớt nhiều thủ tục, tiết kiệm thời gian, công sức và tiền của của Nhà nước và các bên có liên quan./.

Tài liệu tham khảo:

1. Quốc hội (2013), Luật Hòa giải ở cơ sở.
2. Quốc hội (2015), Bộ luật tố tụng dân sự.
3. Quốc hội (2020), Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.